

Số: 115/2021/QĐST-HNGĐ

*Thủ Đức, ngày 05 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **1199/2020/TLST-VHNGĐ** ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Lâm Quang H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Phạm Ngọc N, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Đường M, Tổ 1, khu phố 5, phường Y, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Lâm Quang H và bà Phạm Ngọc N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) ngày 13/11/2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 174/KH/2002, quyền số 02 ngày 13/11/2002). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lâm Quang H và bà Phạm Ngọc N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống bình thường hạnh phúc, đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Hai bên gia đình cũng hòa giải, hàn gắn nhiều lần, cố gắng chung sống vì con cái nhưng không có kết quả và mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020, nên ông H và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Gia H1, sinh ngày 12/4/2003 và Lâm Ngọc Như Y, sinh ngày 23/5/2011. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Phạm Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung; ông Lâm Quang H không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà N trình bày không có.

Về nợ chung: Ông H và bà N trình bày không có.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Quang H và bà Phạm Ngọc N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 174/KH/2002, quyền số 02 ngày 13/11/2002 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) cấp cho ông Lâm Quang H và bà Phạm Ngọc N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Gia H1, sinh ngày 12/4/2003 và Lâm Ngọc Như Y, sinh ngày 23/5/2011. Bà Phạm Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung; ông Lâm Quang H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H và bà N trình bày không có, Tòa án không xem xét.

Nợ chung: Ông H và bà N trình bày không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Lâm Quang H và bà Phạm Ngọc N phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí

300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0047340 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lâm Quang H và bà Phạm Ngọc N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Tùng**